

Số: **300/2020/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Tây Ninh, ngày **11** tháng **9** năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

---

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **424/2020/TLST/HNGĐ** ngày **27** tháng **8** năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Tuấn V, sinh năm **1991**; Địa chỉ cư trú: Số 72/2, đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Chị Phạm Thanh L, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Số 10, hẻm số 7, đường HCN, khu phố N, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **03** tháng **9** năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **03** tháng **9** năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- 1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tuấn V và chị Phạm Thanh L.
- 2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tuấn V và chị Phạm Thanh L tự nguyện thuận tình ly hôn.
  - 2.2.** Về con chung: Anh Lê Tuấn V và chị Phạm Thanh L thống nhất giao 01 con chung tên là Lê Tấn K, sinh ngày 29/8/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh V cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.200.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị L trình bày không có.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Tuấn V tự nguyện chịu 300.000 đồng (gồm án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con) **nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện anh đã nộp theo biên lai thu số 0000483 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.** Anh V đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- PKTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TP.TN;
- CCTHADS TP.TN;
- UBND P.NS, Tp.TN;
- Các đường sự;
- Lưu HS, tập án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Bùi Thị Liên**